Số: 583/BC-UBND; 13/10/2026; 7:31:42 +07:00

UBND ĐẶC KHU CÁT HẢI

Mẫu biểu số 02 kèm theo Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND thành phố

BÁO CÁO THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện		Thực hiện 09 tháng so (%)	
			Quý III	Lũy kế 09 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**580.070**	**140.138**	**534.794**	**92,19**	**98,92**
I	**TỔNG THU NỘI ĐỊA**	**580.070**	**140.138**	**534.794**	**92,19**	**98,92**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước			0		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước			0		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	170.050	31.750	160.751	94,53	227,04
4	Thuế thu nhập cá nhân			-		
5	Thuế bảo vệ môi trường			-		
6	Các loại phí, lệ phí	259.500	63.204	212.491	81,88	115,85
	Trđó: Lệ phí trước bạ	*27.000*	*3.699*	*15.247*	*56,47*	*116,56*
7	Các khoản thu về nhà, đất	133.800	30.363	143.399	107,17	63,34
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*900*	*533*	*624*	*69,35*	*600,12*
	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	*7.900*	*1.437*	*12.008*	*152,00*	*22,38*
	Thu tiền sử dụng đất	*125.000*	*28.393*	*130.766*	*104,61*	*75,74*
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			-		
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số			-		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển			-		
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
	Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế					
	Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước					
13	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	15.200	6.869	8.831	58,10	15,17
14	Thu khác ngân sách	1.520	7.952	9.322	613,29	522,24
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**					
1	Thuề GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**373.971**	**102.974**	**343.372**	**92**	**144**
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP	117.267	29.011	123.042	105	11.155
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	256.704	73.963	220.330	86	93